

Số: 15/2020/QĐST-DS

Hà Nội, ngày 06 tháng 7 năm 2020.

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 26 tháng 6 năm 2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 27/2020/TLST-DS “Tranh chấp hợp đồng xây dựng nhà ở” ngày 11 tháng 3 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

1.1. Nguyên đơn: **Bà NTN, sinh năm 1976**

Địa chỉ: Tổ 8, thị trấn Sa Pa, huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo uỷ quyền: bà Phạm Thị Liễu, địa chỉ: Tầng 4, số 75, phố XD, quận ĐĐ, thành phố Hà Nội; văn bản uỷ quyền ngày 21.5.2020 tại văn phòng công chứng Nguyễn Lâm, thành phố Hà Nội.

1.2. Bị đơn: **CtcpdtvxdNX**; Địa chỉ trụ sở chính: Số 90B ngõ 72 NT, phường TĐ, quận TX, thành phố Hà Nội.

Địa chỉ liên hệ: P606 CT2, ngõ 183 HVT, quận TX, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Bà CTKP

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. CtcptvxdNX đã tự nguyện thanh toán xong tiền hỗ trợ thuê nhà cho bà NTN theo thỏa thuận của hai bên. Bà NTN đã nhận đủ số tiền hỗ trợ và rút đơn khởi kiện.

2.2. Bà NTN tự nguyện thanh toán trả CtcptvxdNX số tiền còn thiếu theo Hợp đồng thi công xây dựng số 01/2017/HĐ/CN-NX ngày 25.6.2017 giữa bà NTN và CtcptvxdNX là: 560.000.000 đồng (năm trăm sáu mươi triệu đồng).

Thời hạn thanh toán: Trong vòng 4 tháng kể từ ngày Tòa án ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự 06.7.2020.

3. Đình chỉ giải quyết yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại do chậm bàn giao công trình nhà ở của bà NTN đối với CtcptvxdNX do các bên đã tự thỏa thuận giải quyết xong.

4. Về án phí: CtcptvxdNX chịu 13.200.000 đồng (mười ba triệu hai trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, được trừ vào số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000130 ngày 22.5.2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận TX, thành phố Hà Nội. Số tiền CtcptvxdNX còn phải nộp là 3.200.000 đồng (ba triệu hai trăm ngàn đồng).

Hoàn trả bà NTN 15.640.000 đồng (mười lăm triệu sáu trăm bốn mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006944 ngày 11.3.2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận TX, thành phố Hà Nội.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

6. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành từ ngày 01.01.2017 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

PT

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 38-DS:

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2017/QĐST-KDTM).

(3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).

(4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.

(5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).